

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày...08...tháng...6....năm 2009...



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Dặng Chí Dũng

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 30

0101
C
RÁCH
DE
VII
NG E

0102
C
RÁCH
DE
VII
NG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm 2008 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Thanh	Chủ tịch, bổ nhiệm ngày 24/02/2009
Ông Phạm Xuân Diệu	Chủ tịch, miễn nhiệm ngày 24/02/2009
Ông Phạm Xuân Diệu	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Sửa	Ủy viên, miễn nhiệm ngày 09/03/2009
Ông Nguyễn Đình Thế	Ủy viên, miễn nhiệm ngày 09/02/2009
Ông Đỗ Văn Thanh	Ủy viên, miễn nhiệm ngày 09/02/2009
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên, bổ nhiệm ngày 09/02/2009
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên, bổ nhiệm ngày 09/02/2009

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Xuân Diệu	Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 24/02/2009
Ông Trịnh Xuân Thanh	Tổng Giám đốc, miễn nhiệm ngày 24/02/2009
Ông Nguyễn Minh Sửa	Phó Tổng Giám đốc, miễn nhiệm ngày 09/02/2009
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc, miễn nhiệm ngày 09/02/2009
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc, miễn nhiệm ngày 09/02/2009
Ông Phạm Hữu Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 239, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Giám đốc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2009

Số: 228 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

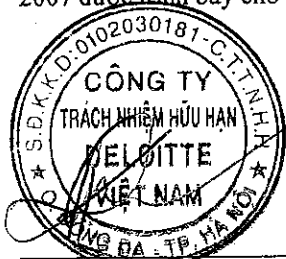
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính như sau:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 của phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, đây là năm đầu tiên Tổng Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ và các công ty con và lập báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, không có số liệu so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 được trình bày cho mục đích tham khảo.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2009

Nguyễn Đức Tiến
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

PHOTO
C
RÁCH
DE
VI
NG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.628.831.735.650	756.766.540.934
(100=110+120+130+140+150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	552.360.316.421	44.129.538.681
1. Tiền	111		255.226.144.671	44.129.538.681
2. Các khoản tương đương tiền	112		297.134.171.750	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		84.130.220.915	523.960.100
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	84.130.220.915	523.960.100
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		968.171.867.923	309.720.894.329
1. Phải thu của khách hàng	131		255.508.974.476	121.985.584.702
2. Trả trước cho người bán	132		236.702.754.290	22.226.689.355
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		315.729.172.979	31.373.951.970
4. Các khoản phải thu khác	135	7	181.083.724.598	146.844.578.645
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(20.852.758.420)	(12.709.910.343)
IV. Hàng tồn kho	140	8	919.636.163.343	319.075.348.957
1. Hàng tồn kho	141		919.636.163.343	319.075.348.957
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		104.533.167.048	83.316.798.867
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.306.979.671	526.641.175
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		46.331.870.453	12.276.603.145
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.086.322.424	98.144.113
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	49.807.994.500	70.415.410.434
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+269)	200		1.193.462.578.212	104.494.097.007
I. Tài sản cố định	220		478.265.361.452	59.118.588.703
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	428.606.863.463	56.075.090.418
- Nguyên giá	222		575.927.074.921	148.650.484.049
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(147.320.211.458)	(92.575.393.631)
2. Tài sản cố định vô hình	227		1.080.293.734	12.277.200
- Nguyên giá	228		2.349.255.410	13.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.268.961.676)	(722.800)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	48.578.204.255	3.031.221.085
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		656.352.109.149	30.373.736.870
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	336.833.121.539	18.070.736.870
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	320.005.076.160	12.303.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(486.088.550)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		39.453.532.290	15.001.771.434
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	35.455.649.040	14.399.622.134
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.997.883.250	602.149.300
IV. Lợi thế thương mại	269	16	19.391.575.321	-
TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		3.822.294.313.862	861.260.637.941

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	2.148.282.195.842	672.960.015.337
I. Nợ ngắn hạn	310	2.130.130.331.610	669.588.220.037
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 17	551.052.794.190	320.297.460.114
2. Phải trả cho người bán	312	349.288.740.108	82.208.577.903
3. Người mua trả tiền trước	313	861.435.566.347	190.850.520.283
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 18	26.151.137.914	17.053.327.336
5. Phải trả người lao động	315	67.326.022.689	18.091.828.676
6. Chi phí phải trả	316 19	69.458.525.694	25.366.904.649
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319 20	204.658.516.117	15.719.601.076
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	759.028.551	-
II. Nợ dài hạn	330	18.151.864.232	3.371.795.300
1. Phải trả dài hạn khác	333	160.464.000	-
2. Vay và nợ dài hạn	334 21	16.419.315.300	3.371.795.300
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	1.572.084.932	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430+439)	400 22	1.611.465.737.426	188.300.622.604
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.605.233.024.347	187.236.375.639
1. Vốn điều lệ	411	1.500.000.000.000	150.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	1.385.980.268	-
3. Cổ phiếu quỹ	414	(548.050.756)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	10.696.608.143	1.431.102.325
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	4.727.456.502	1.431.102.325
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	831.538.207	-
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	88.139.491.983	34.374.170.989
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	6.232.713.079	1.064.246.965
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	3.719.713.079	1.064.246.965
2. Nguồn kinh phí	432	2.513.000.000	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	62.546.380.594	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440	3.822.294.313.862	861.260.637.941

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2008
Tài sản thuê ngoài	540.000.000
Nợ khó đòi đã xử lý	9.766.683.990
Nợ phải trả các loại (USD)	4.172.748,04



Phạm Xuân Diệu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2009

Phạm Tiến Đạt
Phó Ban phụ trách
Ban Tài chính kế toán

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2008	2007
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.808.500.374.528	726.816.008.586
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	23	1.808.500.374.528	726.816.008.586
4. Giá vốn hàng bán	11	24	1.638.123.086.031	690.709.032.890
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		170.377.288.497	36.106.975.696
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	31.340.150.966	12.169.380.110
7. Chi phí tài chính	22	26	29.026.235.168	16.016.242.834
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.667.925.509	15.587.746.808
8. Chi phí bán hàng	24		23.302.571	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		92.359.561.295	25.373.723.336
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		80.308.340.429	6.886.389.636
11. Thu nhập khác	31		13.302.416.608	11.313.891.838
12. Chi phí khác	32		7.992.421.801	6.423.549.749
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		5.309.994.807	4.890.342.089
14. Lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	45		12.833.427.497	8.935.921.200
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		98.451.762.733	20.712.652.925
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	10.872.055.647	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51)	60		87.579.707.086	20.712.652.925
Phân phối cho:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		5.559.368.638	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		82.020.338.448	20.712.652.925
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.272	1.381



Phạm Xuân Diệu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2009

Phạm Tiến Đạt
Phó Ban phụ trách
Ban Tài chính kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

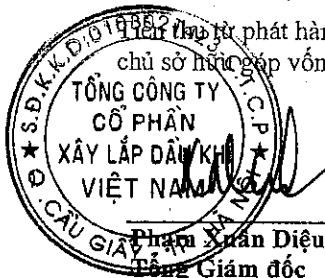
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2008	2007
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		98.451.762.733	20.712.652.925
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		33.604.170.338	13.038.167.682
Các khoản dự phòng	03		10.201.021.559	2.292.092.773
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(5.380.915)
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(39.285.697.379)	(16.674.132.189)
Chi phí lãi vay	06		26.667.925.509	15.587.746.808
3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08		129.639.182.760	34.951.147.084
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(558.008.274.191)	43.428.751.621
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(482.620.900.846)	(71.818.718.639)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp)	11		755.864.584.733	(149.091.260)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước và tài sản khác	12		(2.008.911.841)	(1.012.985.106)
Tiền lãi vay đã trả	13		(17.991.537.956)	(15.587.746.808)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.385.638.793)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		64.575.362.281	8.393.632.076
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.484.503.012)	(2.488.015.744)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(126.420.636.865)	(4.283.026.776)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(210.081.039.865)	(12.249.734.855)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	17.437.930.413
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(385.121.212.912)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		301.514.952.097	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(75.868.790.883)	(4.976.960.100)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		28.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.452.269.882	7.016.236.798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(315.103.821.681)	7.227.472.256
III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		722.972.217.508	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		400.175.907.135	164.415.976.844
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(171.307.256.357)	(137.516.005.310)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.085.632.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		949.755.236.286	26.899.971.534
Tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		508.230.777.740	29.844.417.014
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60		44.129.538.681	14.279.740.752
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	5.380.915
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5	552.360.316.421	44.129.538.681

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm 627.027.782.492 đồng là khoản chủ sở hữu góp vốn bằng các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại các công ty con, công ty liên kết.



Phạm Xuân Diệu
Tổng Giám đốc

Phạm Tiến Đạt
Phó Ban phụ trách
Ban Tài chính kế toán

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2009

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam, tiền thân là Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Petro Việt Nam") theo Quyết định số 532/QĐ-TTCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 150 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước 135.051.750.000 đồng, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị Petro Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Văn phòng công ty đóng vai trò là công ty mẹ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 3 ngày 18 tháng 12 năm 2008.

Tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.500.000.000.000 đồng, được chia thành 150.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng, trong đó vốn Nhà nước do Petro Việt Nam đại diện nắm giữ 1.318.017.500.000 đồng, chiếm 87,87%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 6921 người.

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN CHUNG (TIẾP THEO)

- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Đây là năm đầu tiên Tổng Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất và là năm đầu tiên hoạt động theo mô hình Công ty mẹ và các công ty con. Do đó, không có số liệu so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất. Số liệu năm trước là số liệu của báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 chỉ sử dụng cho mục đích tham khảo.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Góp vốn liên doanh (tiếp theo)

Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 7
Tài sản cố định khác	4

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện giá trị còn lại của các khoản chi phí có thể mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty dài hơn một năm. Các khoản chi phí này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá ba năm.

Doanh thu**Doanh thu hoạt động xây lắp**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm hoàn thành. Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán, được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. Phần công việc phát sinh thêm, các khoản bồi thường và các khoản tiền thưởng được ghi nhận theo thỏa thuận với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Doanh thu

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với phần chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà khả năng thu được là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Doanh thu hoạt động cung cấp hàng hóa và dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu từ các khoản đầu tư tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Để phục vụ mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ liên quan đến hoạt động của Công ty TNHH Vietubes (được lập bằng USD) được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ của báo cáo theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo trừ phi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ, trong trường hợp đó sẽ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, sẽ được phân loại vào nguồn vốn chủ sở hữu và kết chuyển sang dự phòng chênh lệch tỷ giá của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ rút vốn khỏi liên doanh Công ty TNHH Vietubes của Tổng Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp phản ánh tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty đang được hưởng ưu đãi đối với doanh nghiệp cổ phần mới thành lập bao gồm việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Tổng Công ty bắt đầu hưởng ưu đãi về thuế kể từ thời điểm chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần vào tháng 4 năm 2006. Năm 2008 là năm thứ ba, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, kinh doanh có lãi nên Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Đối với các công ty con mà Tổng Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, các công ty này được thành lập và đi vào hoạt động từ đầu năm 2008 thì trong năm đang áp dụng mức giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như Tổng Công ty.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Tổng Công ty không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Do đó, không có các khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong năm.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU NĂM TRƯỚC

	Số liệu trước điều chỉnh	Điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
<u>Thay đổi tài sản và nguồn vốn tại 01/01/2007</u>			
Tài sản			
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10.095.580.800	5.061.809.870	15.157.390.670
Nguồn vốn			
Lợi nhuận chưa phân phối	14.311.026.253	5.061.809.870	19.372.836.123
<u>Thay đổi kết quả kinh doanh năm 2007</u>			
Doanh thu hoạt động tài chính	18.191.955.110	(6.022.575.000)	12.169.380.110
Lãi/Lỗ từ công ty liên doanh, liên kết	-	8.935.921.200	8.935.921.200
Lợi nhuận sau thuế	17.799.306.725	2.913.346.200	20.712.652.925
<u>Thay đổi tài sản và nguồn vốn tại 01/01/2008</u>			
Tài sản			
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10.095.580.800	7.975.156.070	18.070.736.870
Nguồn vốn			
Lợi nhuận chưa phân phối	26.399.014.919	7.975.156.070	34.374.170.989

Số liệu điều chỉnh là giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh của Công ty TNHH Vietubes tại ngày 01/01/2007 và 01/01/2008 và lãi từ công ty liên doanh năm 2007 do thay đổi phương pháp ghi nhận, từ phương pháp giá gốc sang phương pháp vốn chủ sở hữu.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tiền mặt	5.754.627.238	3.245.720.352
Tiền gửi ngân hàng	249.471.517.433	40.883.818.329
Các khoản tương đương tiền	297.134.171.750	-
	552.360.316.421	44.129.538.681

Các khoản tương đương tiền, trong đó có 13.000.000.000 đồng là khoản tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng, lãi suất thay đổi theo tuần dựa trên thông báo của ngân hàng. Còn lại là các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, có thời hạn dưới 3 tháng, với lãi suất cho hai khoản tiền gửi VND là 9,7%/năm, 16%/năm và khoản tiền gửi bằng USD là 2,5%/năm.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại 31/12/2008 là các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, có kỳ hạn dưới một năm, với lãi suất giao động từ 15% đến 18%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2008</u>
	<u>VND</u>
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	120.066.766.101
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phần vốn góp vào Công ty Cổ phần kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	7.500.000.000
Phải thu Bauer HK tiền thuế GTGT và thuế TNDN nhà thầu nước ngoài Tổng Công ty nhập hộ	4.230.018.429
Ban Quản lý dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất	4.054.046.928
Lãi dự thu của tiền gửi có kỳ hạn	3.427.483.889
Phải thu khác	41.805.409.251
	<u>181.083.724.598</u>

Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với giá trị là 120.066.766.101 đồng là khoản xử lý số liệu tài chính thời kỳ trước cổ phần hóa.

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	32.157.704.369	2.861.300.645
Công cụ, dụng cụ	1.304.458.892	1.181.801.367
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	837.975.559.856	313.555.992.870
Thành phẩm	2.398.877.454	1.476.254.075
Hàng hóa	45.799.562.772	-
	<u>919.636.163.343</u>	<u>319.075.348.957</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>919.636.163.343</u>	<u>319.075.348.957</u>

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng	48.761.332.821	9.313.875.896
Các khoản cầm cố, ký quỹ ký cược ngắn hạn	846.322.187	60.616.823.663
Tài sản thiếu chờ xử lý	200.339.492	484.710.875
	<u>49.807.994.500</u>	<u>70.415.410.434</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 239, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2008	24.985.307.641	84.133.829.947	21.772.453.086	15.008.893.375	2.750.000.000	148.650.484.049
Tăng do mua sắm	8.652.867.815	267.338.913.919	106.931.078.869	8.610.261.076	101.000.000	391.634.121.679
XCDB hoàn thành	3.499.062.363	-	-	-	-	3.499.062.363
Tăng khác	14.693.957.287	3.524.025.619	18.465.668.420	4.022.919.574	-	40.706.570.900
Thanh lý, nhượng bán	-	(691.678.417)	-	(113.037.007)	-	(804.715.424)
Giảm khác	(658.331.947)	(3.720.459.588)	-	(3.379.657.111)	-	(7.758.448.646)
Tại ngày 31/12/2008	51.172.863.159	350.584.631.480	147.169.200.375	24.149.379.907	2.851.000.000	575.927.074.921
KHÁU HAO LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2008	12.156.607.708	48.337.978.414	17.551.482.487	13.384.591.688	1.144.733.334	92.575.393.631
Trích khấu hao trong năm	2.828.976.121	18.057.436.630	9.363.054.263	2.151.398.998	309.668.556	32.710.534.568
Tăng khác	5.075.399.448	14.434.879.448	5.606.371.520	5.944.738.910	-	31.061.389.326
Thanh lý, nhượng bán	-	(688.178.417)	-	(113.037.007)	-	(801.215.424)
Giảm khác	(1.142.420.099)	(1.891.551.081)	-	(5.191.919.463)	-	(8.225.890.643)
Tại ngày 31/12/2008	18.918.563.178	78.250.564.994	32.520.908.270	16.175.773.126	1.454.401.890	147.320.211.458
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2008	12.828.699.933	35.795.851.533	4.220.970.599	1.624.301.687	1.605.266.666	56.075.090.418
Tại ngày 31/12/2008	32.254.299.981	272.334.066.486	114.648.292.105	7.973.606.781	1.396.598.110	428.606.863.463

Như trình bày tại Thuyết minh số 21, Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc thiết bị có tổng nguyên giá 4.993 triệu đồng làm đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2008 bao gồm các công trình sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Chi phí giải phóng mặt bằng tòa nhà Dầu khí	15.433.085.429	-
Mua sắm tài sản cố định	11.214.446.564	-
Dự án “Kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư Phát triển đô thị khu vực 2 và 3”	8.315.549.389	-
Xưởng cơ khí vật liệu xây dựng Quảng Ngãi	1.524.108.578	2.750.167.413
Dự án Tiền Giang	5.436.200.518	-
Dự án trạm trộn bê tông	2.770.458.410	-
Dự án phòng LAS	901.969.668	-
Công trình khác	2.982.385.699	281.053.672
	48.578.204.255	3.031.221.085

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH 1 TV XL DK Hà Nội	Hà Nội	100	Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH 1 TV XL DK Miền Trung	Quảng Ngãi	100	Đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH 1 TV Xây lắp Đường ống Bồn bể DK	Vũng Tàu	100	Khảo sát, thiết kế, thi công công trình đường ống, bồn bể chứa
Công ty TNHH 1 TV Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng DK	Vũng Tàu	100	Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH 1 TV Kết cấu Kim loại và Lắp máy DK	Vũng Tàu	100	Đầu tư xây dựng các công trình dầu khí
Công ty TNHH 1 TV Thi công Cơ giới DK	Hà Nội	100	Kinh doanh máy móc, thiết bị dầu khí
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	51	Tư vấn, thi công xây lắp công trình xây dựng
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế DK	Hồ Chí Minh	73	Tư vấn đầu tư, khảo sát, thiết kế xây dựng
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	60	Tư vấn, thi công xây lắp công trình xây dựng
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Nam	Hồ Chí Minh	56	Thi công xây lắp công trình xây dựng

Theo Thỏa thuận chuyển nhượng ngày 19/5/2008 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty, Tổng Công ty đã mua lại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí vào ngày 10/6/2008 với giá trị là chuyển nhượng là 25.700.100.000 VND. Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí trở thành công ty con của Tổng Công ty kể từ ngày 10/6/2008. Tổng Công ty đã hợp nhất Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí kể từ ngày 1/7/2008. Tổng tài sản tại ngày 31/12/2008 và tổng thu nhập sau thuế cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1/7/2008 đến ngày 31/12/2008 tương ứng là 180.794.559.631 VND và 5.669.810.247 VND đã được hợp nhất toàn bộ vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá không có chênh lệch trọng yếu cho kết quả kinh doanh giữa giai đoạn từ ngày 1/7/2008 đến ngày 31/12/2008 và giai đoạn từ ngày 10/6/2008 đến 31/12/2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (TIẾP THEO)**

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn số 2234/2008/PVN-PVC ngày 1/4/2008 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty, Tổng Công ty đã mua lại Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Nghệ An vào ngày 1/4/2008 với giá trị là chuyển nhượng là 22.950.000.000 VND. Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Nghệ An trở thành công ty con của Tổng Công ty kể từ ngày 1/4/2008 và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty từ ngày 1/4/2008. Tổng tài sản tại ngày 31/12/2008 và tổng thu nhập sau thuế cho giai đoạn từ ngày 1/4/2008 đến ngày 31/12/2008 tương ứng là 270.699.239.282 VND và 6.235.621.646 VND đã được hợp nhất toàn bộ vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	313.856.647.490	-
Góp vốn liên doanh	22.976.474.049	18.070.736.870
	336.833.121.539	18.070.736.870

Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	331.377.682.492	-
Lợi thế thương mại	(20.592.823.350)	-
Lợi nhuận lũy kế từ công ty liên kết	3.071.788.348	-
	313.856.647.490	-

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31/12/2008 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Hồ Chí Minh	28	Đầu tư, tư vấn, xây dựng, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Bất động Sản Dầu khí	Hà Nội	30	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tổng tài sản	1.069.431.579.148	462.063.514.188
Tổng công nợ	25.061.152.378	23.863.122.500
Tài sản thuần	1.044.370.426.770	438.200.391.688
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	313.856.647.490	-
	2008	2007
	VND	VND
Doanh thu	72.664.035.604	3.197.585.992
Lợi nhuận thuần	29.521.895.209	(1.164.427.438)
Lợi nhuận từ công ty liên kết	3.071.788.348	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (TIẾP THEO)

Góp vốn liên doanh

Công ty có khoản vốn góp liên doanh với tỷ lệ 30% vốn pháp định (theo giá gốc là 777.600 USD, tương đương 10.095.580.800 VND) vào Công ty TNHH Vietubes, một công ty hoạt động trong lĩnh vực xử lý ống chống, cần khoan và sản xuất khớp nối, đầu nối phục vụ cho hoạt động dầu khí.

	<u>31/12/2008</u>	<u>12/31/2007</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đầu tư vào công ty TNHH Vietubes	10.095.580.800	10.095.580.800
Phần lợi nhuận còn lại từ khoản đầu tư vào công ty liên doanh	12.880.893.249	7.975.156.070
	<u>22.976.474.049</u>	<u>18.070.736.870</u>

Thông tin tài chính tóm tắt về Công ty TNHH Vietubes được trình bày như sau:

	<u>31/12/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng tài sản	90.169.464.744	68.335.767.315
Tổng công nợ	13.347.572.055	7.916.217.920
Tài sản thuần	76.821.892.689	60.419.549.395
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên doanh	<u>22.976.474.049</u>	<u>18.070.736.870</u>

	<u>2008</u>	<u>2007</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu	93.891.281.523	69.057.102.380
Lợi nhuận thuần	33.265.175.202	21.853.370.225
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên doanh	<u>10.962.887.178</u>	<u>8.935.921.200</u>

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/12/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Sông Hồng	27.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Khu CN Dầu khí IDICO Long Sơn	120.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển KCN và Đô thị DK	10.000.000.000	-
Công ty CP Xi măng Hạ Long	110.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sông Hồng	18.000.000.000	-
Công ty TK WORLEYPARSONS DKVN	1.120.000.000	-
Công ty CP Đầu tư khu CN Hoà Cầm	5.000.000.000	4.453.000.000
Công ty CP Đầu tư và Thương Mại Dầu khí Nghệ An	7.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Hồng Hà	6.000.000.000	-
Công ty CP Kinh doanh Bất động sản Sông Hồng	600.000.000	-
Công ty Cổ phần kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	-	7.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	15.285.076.160	350.000.000
	<u>320.005.076.160</u>	<u>12.303.000.000</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 239, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	2008	2007
	VND	VND
Tại ngày 1 tháng 1	14.399.622.134	12.785.084.248
Tăng do hợp nhất	3.481.752.254	-
Tăng thêm trong kỳ	45.742.401.804	29.216.219.308
Phân bổ vào chi phí trong năm	(26.060.705.972)	(27.601.681.422)
Giảm khác	(2.107.421.180)	-
Tại ngày 31 tháng 12	35.455.649.040	14.399.622.134

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Lợi thế thương mại
	VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2008	-
Tăng do mua công ty liên kết	20.592.823.350
Giảm do bán công ty liên kết	-
Tại ngày 31/12/2008	20.592.823.350
Hao mòn	
Tại ngày 01/01/2008	-
Khấu hao trong năm	1.201.248.029
Tại ngày 31/12/2008	1.201.248.029
Giá trị còn lại	
Tại ngày 31/12/2007	-
Tại ngày 31/12/2008	19.391.575.321

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Thấu chi từ Tài khoản Trung tâm	-	159.608.834.677
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	140.000.000.000	140.000.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (ii)	386.868.003.845	19.471.195.437
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Nghệ An (iii)	11.299.159.287	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (iv)	3.500.000.000	-
Khác	8.168.199.906	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.217.431.152	1.217.430.000
	551.052.794.190	320.297.460.114

(i) Vay ngắn hạn từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam 140 tỷ VND hưởng lãi suất 0%/năm.

(ii) Vay ngắn hạn từ Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam bao gồm 8 khoản vay theo hình thức hợp đồng tín dụng hạn mức với lãi suất dao động từ 11,4%/năm đến 18%/năm.

(iii) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An với hạn mức tín dụng là 60 tỷ VND tính theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm vay.

(iv) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam với lãi suất vay là 21%/năm được cố định trong 1 tháng kể từ ngày hợp đồng tín dụng có hiệu lực. Sau mỗi tháng sẽ áp dụng biểu lãi suất hiện hành của ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	17.405.532.428	12.563.397.810
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.281.928.005	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.344.631.647	-
Thuế nhà thầu	-	4.480.749.246
Các loại thuế khác	1.119.045.834	9.180.280
	<u>26.151.137.914</u>	<u>17.053.327.336</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trích trước chi phí của các công trình	59.720.227.407	25.366.904.649
Chi phí lãi vay	348.326.064	-
Khác	9.389.972.223	-
	<u>69.458.525.694</u>	<u>25.366.904.649</u>

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	<u>31/12/2008</u>	<u>31/12/2007</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	95.833.689.007	-
Phải trả các đội thi công tiền công trình khách sạn Phương Đông	17.100.049.008	-
Đền bù giải phóng mặt bằng công trình số 7 Quang Trung	15.363.105.649	-
Khác	76.361.672.453	15.719.601.076
	<u>204.658.516.117</u>	<u>15.719.601.076</u>

Số phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm hai khoản chủ yếu sau đây:

- Phải trả về cổ tức năm 2006, 2007 là 12.505.175.000 đồng

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tạm ứng tiền thi công và mua vật tư cho các công trình mà Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư, với giá trị là 83.285.317.407 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 239, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***21. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (i)	2.154.365.300	3.371.795.300
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Nghệ An (ii)	9.264.950.000	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	5.000.000.000	-
	16.419.315.300	3.371.795.300

- (i) Các khoản vay và nợ dài hạn thể hiện các khoản vay ký với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam nhằm tài trợ cho việc trang bị máy móc thi công và phương tiện vận chuyển của Tổng Công ty. Các khoản vay này có thời hạn từ 4 đến 5 năm và được hoàn trả thành từng lần bằng nhau, sáu tháng một lần, bắt đầu sau 12 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên. Các khoản vay này chịu lãi suất hàng năm bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam cộng 3% nhưng không thấp hơn 11,88%. Lãi suất lãi tiền vay được điều chỉnh sáu tháng một lần và được thanh toán hàng tháng. Tổng Công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ nguồn vốn vay làm đảm bảo cho các khoản vay (xem Thuyết minh số 10).
- (ii) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nghệ An thể hiện khoản vay theo Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2008/HĐ ngày 14 tháng 5 năm 2008 và số 02/2008/HĐ ngày 10 tháng 9 năm 2008. Khoản vay này phục vụ mục đích thanh toán tiền mua máy móc thiết bị và thanh toán các chi phí theo tiến độ thực hiện các dự án. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất cho vay thả nổi cho cả thời hạn vay, 6 tháng điều chỉnh một lần. Kỳ thứ nhất áp dụng lãi suất 1,34%/tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Vay từ Quỹ Đầu tư Phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/HĐ-DKVN ngày 12 tháng 4 năm 2006 nhằm mục đích phát triển ngành tư vấn thiết kế dầu khí với số tiền là 5.000.000.000 VND trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này không có đảm bảo và không phải trả lãi.

Các khoản vay dài hạn được thanh toán theo lịch biểu sau đây:

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.217.431.152	1.217.430.000
Trong năm thứ hai	6.217.431.152	1.217.430.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	10.201.884.148	2.154.365.300
	17.636.746.452	4.589.225.300
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(1.217.431.152)	(1.217.430.000)
Số phải trả sau 12 tháng	16.419.315.300	3.371.795.300

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 239, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26/10/2007, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Theo Nghị quyết số 266/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2008 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 của Tổng Công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 150 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng.

31/12/2008**VND**

Số lượng cổ phiếu được phép phát hành:

150.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phiếu là

10.000 đồng

1.500.000.000.000

Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ:

150.000.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phiếu là

10.000 đồng

1.500.000.000.000

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông, không được hưởng lãi suất cố định.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 31/12/2008 như sau:

	Tỷ lệ	31/12/2008
		VND
		1.318.017.500.000
Vốn góp của Tập đoàn dầu khí Việt Nam	87,87%	
Công ty cổ phần chứng khoán Dầu khí	5,90%	88.527.220.000
Cty cổ phần đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí	4,24%	63.605.140.000
Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam	0,37%	5.614.000.000
Ông Phạm Quy Nhơn	0,50%	7.500.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	1,12%	16.736.140.000
	100,00%	1.500.000.000.000

Số lượng cổ phần Tổng Công ty đăng ký và đã phát hành đến ngày 31/12/2008 là 150.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Vốn khác của chủ sở hữu		Vốn phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Quỹ khen thưởng, phúc lợi		Nguồn kinh phí		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Tại 01/01/2007	150.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19.372.836.123	-	-	-	-	-	169.372.836.123	
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.712.652.925	-	-	-	-	-	20.712.652.925	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	1.431.102.325	1.431.102.325	-	-	-	-	(5.711.318.059)	-	-	-	-	-	-	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Chỉ quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	134.000.000	
																			(1.918.866.444)	
Tại 01/01/2008	150.000.000.000	-	-	-	1.431.102.325	1.431.102.325	-	-	34.374.170.989	1.064.246.965	-	-	188.300.622.604							
Nhận vốn góp trong năm	1.350.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.350.000.000.000	
Tặng do hợp nhất	-	838.136.154	(295.710.688)	1.399.741.692	1.053.739.557	372.335.709	-	-	2.999.475.332	1.904.236.368	1.300.000.000	-	-	-	-	-	-	-	9.571.954.124	
Kết chuyển nguồn vốn	-	353.558.399	-	(353.558.399)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	82.020.338.448	-	-	-	-	-	82.020.338.448	
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(252.340.068)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(252.340.068)	
Phân phối lợi nhuận	-	194.285.715	-	8.081.456.963	2.242.614.620	831.538.207	(16.065.551.257)	4.715.655.752	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15.000.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(15.000.000.000)	
Tặng khác	-	-	-	137.865.562	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.590.206.261	
Chỉ quỹ	-	-	-	-	-	-	(372.335.709)	(188.941.529)	(4.203.766.705)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.765.043.943)	
Tại 31/12/2008	1.500.000.000.000	1.385.980.268	(548.050.756)	10.696.608.143	4.727.456.502	831.538.207	88.139.491.983	3.719.713.079	2.513.000.000	1.611.465.737.426										

Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức trong năm theo Nghị quyết số 266/NQ-ĐHĐCĐ-XLDK ngày 27/6/2008 của Đại hội đồng cổ đông, trong đó chia cổ tức cho giai đoạn từ tháng 4/2006 đến 12/2007 bằng 10% vốn điều lệ, tương đương 15 tỷ VND.

Theo Nghị quyết số 440/NQ-XLDK ngày 29/12/2008 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty, lợi nhuận của năm 2008 của Công ty mẹ - Tổng Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí đã tạm phân phối vào các quỹ là 4.315.382.068 VND, trong đó quỹ dự phòng tài chính là 3%, quỹ khen thưởng phúc lợi 6%, quỹ thưởng ban quản lý điều hành 431.000.000 VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 239, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2008	2007
	VND	VND
Hoạt động xây lắp	1.753.999.801.366	694.117.074.552
Hoạt động tư vấn xây dựng	11.914.366.494	-
Hoạt động cung cấp vật tư	-	28.518.751.950
Hoạt động khác	42.586.206.668	4.180.182.084
	1.808.500.374.528	726.816.008.586

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2008	2007
	VND	VND
Hoạt động xây lắp	1.591.155.814.868	662.262.374.925
Hoạt động tư vấn xây dựng	8.489.258.867	-
Hoạt động cung cấp vật tư	-	26.188.806.614
Hoạt động khác	38.478.012.296	2.257.851.351
	1.638.123.086.031	690.709.032.890

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2008	2007
	VND	VND
Lãi tiền gửi, kỹ quỹ ngân hàng	26.428.702.382	8.304.285.409
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.546.368.932	1.610.000.000
Lãi đầu tư trái phiếu, công trái	-	2.235.698.126
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.567.500	-
Hoạt động tài chính khác	1.341.512.152	19.396.575
	31.340.150.966	12.169.380.110

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2008	2007
	VND	VND
Chi phí lãi vay	26.667.925.509	15.587.746.808
Lỗ chênh lệch tỷ giá	549.851.890	410.615.575
Chi phí tài chính khác	1.808.457.769	17.880.451
	29.026.235.168	16.016.242.834

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2008	2007
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	98.451.762.733	20.712.652.925
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(27.776.380.131)	(8.960.698.690)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.311.607.959	327.686.159
Thu nhập chịu thuế	72.986.990.561	12.079.640.394
Thuế suất	28%	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.436.357.354	3.382.299.310
Trừ: Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (thuế suất 14%)	10.142.751.175	3.382.299.310
Cộng thuế TNDN nộp bổ sung theo quyết toán thuế năm trước	578.449.468	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.872.055.647	-

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty đang được hưởng ưu đãi đối với doanh nghiệp cổ phần mới thành lập bao gồm việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 3 năm tiếp theo. Tổng Công ty bắt đầu hưởng ưu đãi về thuế kể từ thời điểm chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần vào tháng 4 năm 2006. Năm 2008 là năm thứ ba, Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, kinh doanh có lãi nên Tổng Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp. Đối với các công ty con mà Tổng Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, các công ty này được thành lập và đi vào hoạt động từ đầu năm 2008 thì trong năm đang áp dụng mức giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như Tổng Công ty.

Không có khoản tài sản hay nợ thuế hoãn lại được ghi nhận do không có những chênh lệch tạm thời đáng kể khác giữa số liệu mang sang của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng dùng để tính thu nhập chịu thuế.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2008	2007
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	82.020.338.448	20.712.652.925
Số bình quân gia quyền của phổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	64.488.999	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.272	1.381
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 5.546.805.393 đồng

Tại ngày kết thúc niên độ, Tổng Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.467.095.100	2.354.267.228
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.006.503.350	2.884.046.192
Sau năm năm	915.636.000	661.020.531
	19.389.234.450	5.899.333.951

Các khoản thuê hoạt động bao gồm:

- Chi phí thuê hoạt động là tiền thuê văn phòng Tổng Công ty tại tòa nhà HITC số 239 đường Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, với thời hạn thuê từ ngày 1/1/2008 đến 31/12/2009, tiền thuê là 11.180 USD/tháng.
- Chi phí thuê đất để xây dựng bến vật liệu xây dựng; Xây dựng Phòng thí nghiệm Kiểm định Địa chất & Vật liệu xây dựng; Xây dựng trạm trộn bê tông tươi HanMix công suất 60m³/h, thời hạn thuê 5 năm kể từ ngày 01/09/2008 đến 31/08/2013 và giá trị thuê là 540.000.000 VND cho 5 năm đầu tiên, giá trị thuê đất từ năm thứ 6 sẽ được thay đổi theo giá trị trường.
- Chi phí thuê văn phòng theo Hợp đồng số 08.09.2008/HĐTVP ngày 08/09/2008 ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần hỗ trợ và Phát triển công nghệ Detech, diện tích thuê là 350 m² tại tầng 3 Tòa nhà DETECH. Thời gian thuê từ ngày 08/09/2008 đến ngày 27/05/2010, đơn giá thuê 18 USD/m²/tháng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và các dịch vụ khác tại tòa nhà. Các chi phí thuê máy thi công được phản ánh trực tiếp vào giá trị công trình.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ DƯ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2008	2007
	VND	VND
Mua hàng hóa dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	38.316.766.725	20.571.712.099
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.453.161.015.981	216.192.768.348
Chi phí tài chính liên quan đến các hợp đồng vay các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	14.400.536.764	13.977.746.808
Nhận lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Vietubes	6.057.150.000	6.022.575.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 239, đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Số dư với các bên liên quan tại kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2008	31/12/2007
	VND	VND
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	120.066.766.101	120.066.766.101
Phải thu từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.298.615.239	32.368.835.487
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	429.638.876.140	7.412.809.716
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	95.833.689.007	5.577.123.608
Phải trả từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	16.183.504.343	18.747.919.310
Ứng trước cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	7.159.976.843	24.060.420.737
Các khoản vay		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam		
Vay thấu chi trên tài khoản trung tâm	-	159.608.834.677
Vay ngắn hạn (lãi suất 0%)	140.000.000.000	140.000.000.000
Vay dài hạn	5.000.000.000	-
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		
Vay ngắn hạn	386.868.003.845	19.471.195.437
Vay dài hạn	2.154.365.300	4.589.225.300

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau

	2008	2007
	VND	VND
Tiền lương	1.868.922.687	630.609.857
Tiền thưởng	706.735.600	7.000.000
	2.575.658.287	637.609.857

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ

Ngày 8/1/2009, Tổng Công ty ký Hợp đồng số 001/2009/ SN-PVC với Công ty TNHH San Nam để thuê trụ sở tại tòa nhà San Nam, phường Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội, với tổng diện tích thuê là 1.822 m². Tổng số tiền thuê theo Hợp đồng là 28.710.499.000 VND (bao gồm cả VAT), thời gian thuê là 20 năm, bắt đầu từ ngày 1/4/2009 đến 1/4/2029.

Ngày 5/2/2009, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã có quyết định số 31/QĐ-XLKD về việc nhận chuyển nhượng 3.124.760 cổ phần từ Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Xi măng 12/9, với giá chuyển nhượng là 10.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 31.124.760.000 đồng.

Ngày 5/3/2009, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã có quyết định số 72/QĐ-XLKD và 73/QĐ-XLKD về việc giải thể Công ty TNHH một thành viên thi công cơ giới Dầu khí và Công ty TNHH một thành viên xây lắp Dầu khí Hà Nội (hai công ty con do Tổng Công ty sở hữu 100% vốn). Mục đích của việc giải thể để thực hiện kế hoạch sắp xếp lại Công ty mẹ - Tổng Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty sẽ thành lập hai chi nhánh của Tổng Công ty trên cơ sở hai công ty này.

Ngày 18/3/2009, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã có quyết định số 142/QĐ-XLKD về việc tham gia góp vốn và cử người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần quản lý và phát triển nhà Dầu khí. Theo đó, Tổng Công ty tham gia góp vốn vào Công ty cổ phần quản lý và phát triển nhà Dầu khí với giá trị vốn góp là 22 tỷ đồng, tương đương 40% vốn điều lệ của Công ty cổ phần quản lý và phát triển nhà Dầu khí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. SỰ KIẾN SAU NGÀY KHÓA SỔ (TIẾP THEO)

Ngày 30/3/2009, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã có Quyết định số 159/QĐ-XLKD về việc tham gia góp vốn và cử người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần quản lý và phát triển nhà Dầu khí miền Nam. Theo đó, Tổng Công ty tham gia góp vốn vào Công ty cổ phần quản lý và phát triển nhà Dầu khí miền Nam với giá trị vốn góp là 22 tỷ đồng, tương đương 40% vốn điều lệ của Công ty cổ phần quản lý và phát triển nhà Dầu khí miền Nam.

32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Ngày 11/1/2008, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 04/HĐQT-QĐ về việc thông qua hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Công việc đăng ký niêm yết đến thời điểm phát hành báo cáo này vẫn đang được triển khai.

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Đây là năm đầu tiên Tổng Công ty hoạt động theo mô hình Công ty mẹ và các công ty con và lập báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, không có số liệu so sánh của báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Tổng Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam được trình bày cho mục đích tham khảo. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại và điều chỉnh lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.